

ẨN DỤ Ý NIỆM “TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC” TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Liên*
Trường Đại học Phú Yên

Tóm tắt

Trong các phạm trù tình cảm, tình yêu là một phạm trù đặc biệt, chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Bởi lẽ, tình yêu thuộc về thế giới tình cảm của con người, một thế giới vô cùng phong phú và phức tạp. Nhận thức và biểu hiện tình yêu có thể nói là nhu cầu và cũng là nguồn cảm hứng chưa bao giờ ngừng lại của con người. Để tri nhận về tình yêu, con người đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau. Là một cơ chế nhận thức mà thông qua nó, logic của những khái niệm có tính trừu tượng được thay thế bằng logic của những khái niệm có tính cụ thể hơn, ẩn dụ ý niệm được xem là một công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức về phạm trù tình yêu. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi hướng sự quan tâm vào những ẩn dụ ý niệm tình yêu mà trong đó màu sắc là một ý niệm nguồn gắn với miền đích tình yêu được tri nhận trong tiếng Việt.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm, màu sắc, biểu thức ngôn ngữ, tình yêu, miền nguồn, miền đích.

Abstract

The conceptual metaphor “Love is Color” in the Vietnamese language

In the categories of emotion, love is a special field occupying an important place in our spiritual life. Love belongs to the human emotional world, which is rich and complicated. Awareness and expressions of love are not only the demands but also the sources of non-stopping inspiration. In the love cognition, a variety of tools have been used. This is a cognitive mechanism through which the logic of abstract concepts is replaced by the logic of more specific concepts. Conceptual metaphor are considered a powerful tool to help man perceive the category of love. Within the context of this scientific paper, we turn our attention to the love conceptual metaphor in which color is used as a source concept associated with the domain of love recognized in Vietnamese.

Key words: Conceptual metaphor, color, language expression, love, source domain, destination domain

1. Mở đầu

1.1. Lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ ghi nhận các hướng tiếp cận ẩn dụ từ nhiều góc độ khác nhau. Với cách tiếp cận chung nhất, ẩn dụ được xem như là cách nhìn đối tượng này thông qua một đối tượng khác, và với ý nghĩa đó, “ẩn dụ là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ. Ẩn dụ thường xuyên có quan hệ không phải với những đối tượng cô lập

riêng lẻ, mà với những không gian tư duy phức tạp (những miền kinh nghiệm cảm tính và xã hội)”. [2; tr. 69]

Trên quan điểm nhận thức, ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor) là hiện tượng ý niệm hóa trong cách nhìn, cách nghĩ về thế giới của con người. Theo Lakoff (1980), ẩn dụ ý niệm có nhiệm vụ cung cấp các suy luận hình tượng hóa cho các khái niệm trừu tượng. Là một ánh xạ tinh thần, ẩn dụ tác động đến cách suy nghĩ và hành động của con người trong đời sống hàng ngày. Theo

* Email: ngoclienpy@gmail.com

đó, nhờ phương thức ẩn dụ, con người nhận biết thế giới vật chất và tinh thần. Nghiên cứu cơ chế chuyển đổi ý niệm, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận đã chỉ ra cơ chế tri nhận của ẩn dụ ý niệm gồm miền Nguồn và miền Đích, là sự chiếu xạ giữa một miền Nguồn có tính vật chất, cụ thể lên một miền Đích có tính trừu tượng. Việc lựa chọn cặp nguồn – đích cụ thể nào lại được quyết định thông qua cơ sở trải nghiệm. Những cặp nguồn – đích mang tính ý niệm như vậy lại sản sinh ra những cách biểu đạt ngôn ngữ mang tính ẩn dụ. Nói tóm lại, về bản chất “ẩn dụ cho phép chúng ta hiểu đối tượng tương đối trừu tượng hoặc đối tượng phi cấu trúc hóa thông qua đối tượng cụ thể hơn hoặc ít ra thông qua đối tượng đã được cấu trúc hóa cao hơn” [2; tr.71]. Đây là phương thức tư duy có tính phổ quát nhân loại đồng thời lại mang màu sắc đặc trưng gắn liền với đặc trưng văn hóa mỗi cộng đồng ngôn ngữ nhất định.

1.2. Trong phạm trù tình cảm, tình yêu là một phạm trù đặc biệt. Đóng vai trò quan trọng trong các mối quan hệ giữa người – người, tình yêu với nhiều dạng thức, đặc tính khác nhau chiếm giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Tình yêu được coi là cội nguồn của sự sống, là động lực để con người thêm yêu đời, vượt qua những khó khăn trắc trở trong cuộc sống nhưng đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn con người ta đến tận cùng của sự đau đớn về tinh thần. Với người nghệ sỹ, tình yêu còn là suối nguồn cho mạch cảm xúc, khơi dậy nguồn cảm hứng, sáng tạo.... Nhận thức, thể hiện thứ tình cảm đặc biệt này là nhu cầu đồng thời là cảm hứng chưa bao giờ ngừng lại của con người. Mỗi một cộng đồng người với đặc thù văn hóa dân tộc ý niệm hóa tình yêu theo những cách khác nhau.

Cùng với đặc trưng chung mang tính

phổ quát nhân loại, tình yêu đồng thời mang đặc tính cá nhân. Mỗi người có cách thể hiện tình yêu khác nhau thông qua lăng kính chủ quan, vốn biến đổi theo tâm trạng và hoàn cảnh cụ thể của mỗi con người. Để nhận thức khái niệm vốn mang tính khái quát, trừu tượng này con người huy động nhiều công cụ khác nhau. Một trong những công cụ phổ biến trong các ngôn ngữ là ẩn dụ. Trong tiếng Việt, ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU được cụ thể hóa thông qua các ẩn dụ thông dụng: TÌNH YÊU LÀ THỰC THỂ; TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH; TÌNH YÊU LÀ LỬA. Trong bài viết này, chúng tôi hướng sự chú ý vào ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC, với mong muốn hoàn thiện thêm “bức tranh” tri nhận TÌNH YÊU của người Việt thông qua ẩn dụ tình yêu nhìn từ miền nguồn màu sắc.

2. Mô hình tri nhận của ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong tiếng Việt nhìn từ miền nguồn màu sắc

2.1. Ý niệm “Yêu”

Theo Trần Văn Cơ, ẩn dụ là “một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới” [2; tr.69]. Ẩn dụ là cơ chế chủ yếu trong tư duy ý niệm của con người, phản ánh cách con người nhìn, nghĩ và nhận biết thế giới thông qua lăng kính ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Trong đó, các ý niệm có cấu trúc trường - chức năng được tổ chức theo mô hình trung tâm (hạt nhân) và ngoại vi. Hạt nhân là khái niệm nằm ở trung tâm của trường - chức năng và mang tính phổ quát, toàn nhân loại. Bao quanh khái niệm hạt nhân là trường ngoại vi bao gồm một số yếu tố tương liên lẫn nhau tác động đến khái niệm nằm ở trung tâm ý niệm. Khảo sát nghĩa của “tình yêu” được tường giải trong từ điển [5; tr.963], chúng tôi nhận

thấy rằng, ý niệm TÌNH YÊU có hạt nhân là khái niệm: thứ nhất, đó là : “Tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người với vật” (tình yêu quê hương), thứ hai, đó là “Tình cảm yêu đương giữa nam và nữ”. Khái niệm này còn được bổ sung khi cắt nghĩa từ YÊU. Theo đó, YÊU có nghĩa là “có tình cảm dễ chịu khi tiếp xúc với một đối tượng nào đó, muốn gần gũi và thương vì đối tượng đó mà hết lòng (*mẹ yêu con, yêu nghề, yêu đời...*); “*Có tình cảm thâm thiết dành riêng cho một người khác giới nào đó, muốn cùng nhau chung sống và gắn bó cuộc đời*”. Chúng tôi xem đây là các yếu tố hạt nhân của ý niệm Tình yêu. Trên thực tế, để biểu đạt khái niệm hạt nhân này, tiếng Việt còn sử dụng các biểu thức ngôn ngữ khác như: *thương, thương nhớ, nhớ thương, ái ân* - hệ quả của sự tác động từ các yếu tố ngoại vi của ý niệm như: văn hóa dân tộc, văn hóa vùng miền, văn hóa tộc người và văn hóa cá nhân...(người miền Nam thường nói “thương” với nghĩa “yêu”; trong khi người Bắc dùng “yêu nhau”). Các yếu tố ngoại vi bao quanh khái niệm hạt nhân tương liên lẫn nhau, tác động và hình thành “khung tri nhận” khác nhau về khái niệm hạt nhân. Từ đó dẫn đến cách tri nhận không giống nhau về khái niệm hạt nhân của tình yêu. Ví dụ: “tình yêu” trong tri nhận của các dân tộc, nhóm người, thậm chí với từng cá nhân trong cộng đồng văn hóa là không hoàn toàn giống nhau. Với người phương Đông nói chung và người Việt nói riêng, tình yêu được coi là cái gốc của hôn nhân. Hôn nhân chân chính thường được hiểu gắn liền, xây dựng trên nền tảng tình yêu. Tình yêu khiến con người nảy sinh nhu cầu gắn bó, đi cùng nhau đến hết cuộc đời. Hôn nhân là cái đích thường có của tình yêu. Dựa trên tình yêu, người ta có thể đồng ý, tán thành hay không tán thành

một cuộc hôn nhân có sự chênh nhau ở một khía cạnh nào đó. Chẳng hạn sự không tương xứng về tuổi tác của hai người yêu nhau có thể được chấp nhận dựa trên một yếu tố nền tảng: tình yêu không phân biệt tuổi tác. Trong khi đó, với người phương Tây, tình yêu và hôn nhân không nhất thiết là một. Điều này cho thấy có sự khác biệt trong tri nhận TÌNH YÊU so với khung tri nhận phổ quát. Đặc biệt là với hình thức tri nhận TÌNH YÊU thông qua ẩn dụ ý niệm màu sắc.

2.2. Quan hệ chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC trong tiếng Việt

Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm màu sắc trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU CỦA CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC, miền Nguồn có những yếu tố đặc trưng cụ thể như: sắc độ, độ sáng, tính nhiệt của màu được gán cho miền Đích tình yêu – vốn là cái hết sức trừu tượng. Về cơ bản, có thể cụ thể hóa mô hình chiếu xạ bằng sơ đồ: sắc độ - cung bậc cảm xúc khác nhau của tình yêu, độ sáng, tính nhiệt – độ mãnh liệt của cảm xúc, các trạng thái của tình yêu.

2.3. Mô hình ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC”

Khảo sát nguồn ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy tiếng Việt có thể dùng rất nhiều từ liên quan đến màu sắc để miêu tả các sắc thái khác nhau của tình yêu. Vì tình yêu nhìn nhận như một sự tổng hợp đan xen các cung bậc khác nhau của cảm xúc: sự thăng hoa, mãnh liệt, sự nhớ nhung, đau khổ, bi lụy... nên người Việt đã liên tưởng tình yêu với sự đa dạng của các sắc màu, vốn vô cùng phong phú về sắc độ. Điều này được phản ánh trong những kết cấu ẩn dụ màu sắc thường gặp để thể hiện đặc điểm của tình yêu:

(1) *Chút đen ...tóc em quá mềm*

*Chút son ...vẽ môi em nắng hồng
 Và vẽ giấc mơ, giấc yêu bắt đầu.
 Và vẽ nhớ nhung... vẽ thêm chút buồn
 Chút xanh ngời ... thoáng mây cuối trời
 Chút ánh vàng...thấp sao đêm rất vội.*

(Thiên Vương, *Màu của tình yêu*)

(2) *Anh tặng em yêu chùm hoa sắc trắng
 Nhưng khi yêu, anh yêu đỏ hoa hồng
 Tuổi năm mươi lòng như lửa đỏ
 Nhưng bên ngoài vẫn cứ trắng như không.*

(Chế Lan Viên, *Hoa trắng đỏ*)

(3) *Hạnh phúc màu hoa huệ Nhớ nhưng
 màu hoa lau*

Biệt ly màu rách xé

Lãng quên đâu có màu.

(Chế Lan Viên, *Màu*)

(4) Những câu nói hàm ý sâu sắc về tình yêu hay nhất khiến bạn “tĩnh ngộ” vì tình yêu không chỉ có màu hồng mà nó còn có màu trắng, màu đen và nhiều màu sắc khác nữa. [<http://chamngoncuocsong.com>]

(5) *Và như màu theo nắng nhạt, như hương
 theo gió mát*

Tình người đà tàn mác

Tôi sẽ trốn, thần thờ, ngơ ngác

Trái tim buồn như một bài tha ma.

(Xuân Diệu, *Dối trá*)

Màu sắc không chỉ để tô điểm, phân biệt sự vật hiện tượng với nhau. Bản thân mỗi màu đều có ý nghĩa riêng, truyền đạt những giá trị và ý nghĩa riêng của sự vật, hiện tượng mang màu sắc ấy. Phát triển từ ý nghĩa của mẫu gốc màu sắc – vốn mang đặc trưng tri nhận của từng nền văn hóa, màu sắc với đặc trưng cơ bản về sắc độ ánh xạ thành “màu” của cảm xúc, được dùng để chỉ các cung bậc cảm xúc khác nhau của tình yêu. Theo đó, sự mãnh liệt của tình yêu mang màu đỏ ấm nóng (2), sự xa cách trong tình yêu phủ một màu trắng (3)... Sự thăng hoa, lãng mạn đặc thù của tình yêu được khoác chiếc áo tươi sáng với các tông màu nhẹ nhàng: *hồng, xanh ngời,*

vàng (1). Sự vô tư, không toan tính khiến tình yêu đích thực có màu trắng tinh khôi (3). Tình yêu với nhiều cung bậc cảm xúc được hình dung với sự phong phú sắc màu cuộc sống (4). Sự đổ vỡ, tan tác của tình yêu được ví như màu *nhạt theo nắng* (5)...Như vậy, màu sắc, với các thuộc tính sắc độ, độ sáng, cảm giác nhiệt độ về màu được gán cho miền đích là “tình yêu”, là cơ sở nhận biết, cảm nhận bản chất trừu tượng của tình yêu. Với những mảng màu khác nhau, sự khác biệt tinh tế về sắc độ là cơ sở cho sự liên tưởng miền đích tình yêu, vốn trừu tượng. Sự kết hợp các đặc trưng cụ thể của miền nguồn màu sắc phóng chiếu lên miền đích tình yêu trong mối tương quan của các mô hình tri nhận khác về tình yêu thường gặp TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, TÌNH YÊU LÀ MEN SAY, TÌNH YÊU LÀ LỬA... tập trung làm nổi bật đặc tính của tình yêu trong đời sống tinh thần con người, đồng thời khắc họa và làm nổi bật hơn tính cách, tình cảnh của con người trong tình yêu: *thần thờ, ngơ ngác, say đắm và đau khổ...*

Khi bàn về ý niệm tình yêu, Kovecsec gợi ý rằng các loại khác nhau của mô hình tri nhận YÊU xuất phát từ ba miền nguồn chính: *ẩn dụ, hoán dụ và các ý niệm hữu quan*, trong đó các ý niệm hữu quan gồm có yêu thích, ham muốn tình dục, sự thân mật, sự khao khát cảm giác yêu mến, sự quan tâm, sự tôn trọng và tình bạn. Trong tư duy của người Việt, các ý niệm hữu quan này mang đặc trưng riêng về sắc độ, tương ứng với từng màu sắc nhất định. Nếu ý niệm tình bạn gắn với màu trắng tinh khôi thì sự khao khát mãnh liệt trong tình yêu dường như gắn với màu đỏ, vốn được xem là một màu thuộc nhóm màu nóng. Một tình yêu đẹp luôn mang sức nóng của *đỏ-khao khát mãnh liệt, sắc độ thanh khiết của trắng* – vô tư không vụ lợi, độ da diết của

vàng - nhớ nhung và chờ đợi, màu tím của tâm tình chung thủy... Ngược lại, tình yêu tan tác, bế tắc gắn với sự đau khổ luôn được “gán” cho một màu đen, một sự thay đổi, nhạt dần về sắc độ màu (5). Ở đây, trong mô hình TÌNH CẢM CON NGƯỜI LÀ MÀU SẮC, tri thức của con người về màu sắc gắn liền với văn hóa cộng đồng được ánh xạ, phóng chiếu cho tình cảm YÊU.

Trong mối tương quan với ý niệm HÔN NHÂN, một cuộc hành trình, đầy khó khăn và thử thách song cũng tràn ngập màu sắc tươi vui của lạc quan, tin yêu, của đợi chờ và hạnh phúc, TÌNH YÊU được nhận diện thông qua những cảm xúc cụ thể gắn với những giai đoạn cụ thể của cuộc hành trình. Ấn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC có vai trò ẩn dụ thứ cấp. Điểm khởi đầu chặng đường ấy là một màu hồng của sự lãng mạn, màu xanh của hi vọng. Đích đến của tình yêu trên chặng đường hôn nhân cũng mang những màu đặc trưng: mang đậm *đen* của bế tắc hay mang màu *xanh, hồng* tươi sáng, dịu nhẹ mà bền bỉ của hạnh phúc thăng hoa... Sự đa dạng sắc độ của miền nguồn màu sắc được phóng chiếu lên các thuộc tính khác nhau khiến cho tình yêu trở thành một dạng vật chất có thể tri giác được:

(6) *Khi chiếc lá xa cành*

Lá không còn màu xanh

Mà sao em xa anh

Tình vẫn xanh rời rợi...

(Hồ Ngọc Sơn, *Gửi em dưới quê làng*)

(7) *Cái phút đầu tiên tuyết chạm đất thế nào?*

Như tà áo bay, như hơi thở nhẹ...

Trắng tinh như lòng yêu ngày chưa yêu

(Chế Lan Viên, *Tuyết*)

(8) *Trời cao trên như chén xanh êm*

Biển đắng không nguôi nổi khát thêm;

Nên lúc môi ta kẻ miệng thắm

Trời ơi ta muốn uống hôn em.

(Xuân Diệu, *Vô biên*)

(9) *Đó là một cuộc chia li chói ngời sắc đỏ*

Tươi như canh nhận lại hồng

Trưa một ngày sắp ngã sang đông

Tôi nhìn thấy một cô áo đỏ

Tiền đưa chồng trong nắng vườn hoa

...Chiếc áo đỏ rực như than lửa...

(Nguyễn Mỹ, *Cuộc chia ly màu đỏ*)

Mặt khác, tình yêu có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân: thuần túy cảm xúc, sự toan tính vụ lợi, sự tri ân... Trong tiếng Việt, tình yêu chân chính xuất phát từ cảm xúc luôn mang màu trắng tinh khôi: *tình yêu trong trắng*. Những tình yêu bắt nguồn từ những nguyên nhân mang màu sắc vụ lợi luôn được nhìn nhận như một màu tối về sắc độ, thấp về tính nhiệt: *đen, xám, nâu: tình yêu đen tối/ tình yêu xám xịt; Đẹp chi cái áo nâu sồng/ Đẹp chi con gái lộn chồng mà thương...*

Ấn dụ ý niệm, theo các nhà ngôn ngữ học tri nhận, không phải võ đoán mà dựa trên kinh nghiệm vật lí và kinh nghiệm văn hóa của chúng ta. Sự nhận thức về màu và phân chia dải màu để gọi tên các màu ở các ngôn ngữ dựa trên cảm nhận thị giác và quan điểm truyền thống văn hóa của từng cộng đồng người. Từ một ý niệm trừu tượng, tình yêu được cụ thể hóa thành những mảng màu có thể tri giác được bằng thị giác. Trong tri nhận của người Việt, màu sắc được ghi nhận với nhiều phổ màu, phong phú về sắc độ, tính nhiệt của màu. Người Việt chủ yếu sử dụng cơ chế chi tiết hóa là chủ yếu để cụ thể hóa một số thuộc tính miền nguồn MÀU SẮC khi chiếu xạ đến đích TÌNH YÊU. Với người Việt, tình yêu có “màu”, có sắc độ, tính nhiệt tương ứng với cảm nhận chủ quan của con người về tình yêu. Đây là cơ sở hình thành các ánh xạ màu sắc đến miền đích “tình yêu” với các cung bậc của cảm xúc khác nhau:

thương, nhớ, yêu, mong chờ ... do tình yêu mang lại. Nếu tính nhiệt của các màu nóng, độ sáng cao như *đỏ, son* là cơ sở hướng liên tưởng của con người đến một tình yêu mãnh liệt (8,9), thì tính thiết thấp ở các màu được coi là màu lạnh như *xanh* cho người ta sự liên tưởng đến một tình yêu nhẹ nhàng, sâu lắng (6,8). Các thuộc tính cổ hữu đặc trưng của màu xanh – xanh dương: sắc độ tươi mát, tính nhiệt thấp được chiếu xạ lên miền Đích trong tư duy con người – cảm xúc, định hình cảm giác an yên, nhẹ nhàng mà chắc chắn. Nó khiến con người có cảm giác yên bình, thấp lên trong con người một niềm tin vững chắc. Trong tiếng Việt, sắc xanh của bầu trời được dùng biểu trưng cho niềm tin, hi vọng về một tình yêu sâu lắng, đắm thắm với nhiều cấp độ khác nhau gắn với thuộc tính chuyên biệt về sắc độ của màu như: *rời rọi, biếc, ngời, thắm...* góp phần nâng ý nghĩa biểu trưng

của màu xanh lên mức cao nhất, thể hiện trọn vẹn nhất các thuộc tính của cảm xúc Yêu ở miền Đích.

Là sự tổng hòa cảm xúc, tràn ngập sắc màu, cảm xúc tình yêu mang lại cho con người thật mãnh liệt. Sắc màu của vạn vật phóng chiếu lên các cung bậc cảm xúc của Yêu với nhiều gam màu khác nhau. Những thuộc tính của màu được phóng chiếu lên miền YÊU hình thành cơ sở tri nhận đặc điểm của thứ tình cảm đặc biệt của con người. Nói cách khác, thuộc tính màu, sắc độ, tính nhiệt của miền nguồn màu sắc ánh xạ lên miền đích “tình yêu” thành những biểu hiện cụ thể để biểu hiện các trạng thái của tình yêu, tạo nên cơ sở cho lối tri nhận TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC. Do đó, ý niệm “tình yêu” cũng có những thuộc tính của màu sắc. Sự ánh xạ từ miền nguồn màu sắc đến miền đích “tình yêu” trong tiếng Việt được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.1. Sự ánh xạ từ miền nguồn màu sắc đến miền đích tình yêu trong tiếng Việt

MIỀN NGUỒN MÀU SẮC	MIỀN ĐÍCH TÌNH YÊU	BIỂU THỨC NGÔN NGỮ
Màu	Đặc tính được cảm nhận của tình yêu	<i>Tình yêu đen tối, tình yêu trong trắng, tình yêu tràn ngập màu hồng</i>
Sắc độ	Sự phong phú cung bậc cảm xúc	<i>Tình trao xanh mấy giấc mơ/ Để hồn đắm đuối để thơ lạc vãn; Cháy đỏ hoa yêu suốt một mùa hè...</i>
Tính nhiệt	Sự mãnh liệt trong tình yêu	<i>Anh tặng em yêu chùm hoa sắc trắng/ Nhưng khi yêu, anh yêu đỏ hoa hồng</i>
Hoạt động của con người gắn với màu sắc	ứng xử của con người với tình yêu	<i>Tô hồng tình yêu, bôi đen tình yêu</i>

Như vậy, tình yêu đã được người Việt tri nhận như những màu sắc, phong phú về sắc độ, tính nhiệt mà con người có thể tri giác được. Sức hút của các sắc độ màu khiến cho tình yêu trở nên đầy ma lực

khiến cho con người bị thu hút, bị chi phối. Ấn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC, do vậy không chỉ thể hiện được sự độc đáo trong cách sử dụng ngôn ngữ của người Việt mà còn phù hợp với những thuộc tính

và đặc trưng của tình yêu. Với lối mã hóa này, người Việt đã hiện thực hóa tình yêu một cách chân thật mà vô cùng độc đáo.

3. Kết luận

Màu sắc có ảnh hưởng đến tâm lí và cảm xúc của con người. Mỗi loại màu sắc có ý nghĩa và chức năng riêng với từng loại tình cảm, cảm xúc của con người. Việc tìm hiểu hệ thống từ ngữ biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt từ nhiều góc nhìn khác nhau, trong đó có góc nhìn ngôn ngữ học đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Nghiên cứu phương thức tư duy của người Việt gắn với thuộc tính, giá trị biểu đạt của màu sắc dưới góc nhìn tri nhận là một sự thể

nghiệm. Từ những phân tích về mô hình ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC, cung cấp thêm cơ sở cho phép khám phá cách thức tư duy của người Việt về màu sắc, cho thấy sự tri nhận về TÌNH YÊU nói riêng và về CON NGƯỜI TÂM LÝ, TÌNH CẢM nói chung có liên quan đến sự tri nhận, trải nghiệm của con người đối với thuộc tính của thiên nhiên, đời sống con người – màu sắc nói chung gắn liền với sự vật, hiện tượng quen thuộc, gần gũi với đời sống văn hóa dân tộc. Ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ MÀU SẮC vì thế thể hiện đặc trưng trong phương thức tư duy của người Việt□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận – Ghi chép và suy nghĩ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Trần Văn Cơ (2011), *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển – Tường giải và đối chiếu*, NXB Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Hoài Nguyên (2011), *Ẩn dụ ý niệm tình yêu là cuộc hành trình trong thơ Xuân Diệu*, <http://khoaspnv.vinhuni.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc/ly-luan-ngon-ngu/seo/an-du-y-niem-tinh-yeu-la-cuoc-hanh-trinh-trong-tho-xuan-dieu-67109>.
- [4] Trần Thế Phi (2016), *Ẩn dụ ý niệm cảm xúc trong thành ngữ tiếng Việt (so sánh với thành ngữ tiếng Anh)*, LATTS TP. Hồ Chí Minh
- [5] Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng
- [6] Phạm Thị Hương Quỳnh (2016), “Ẩn dụ ý niệm về vị trí/khu vực trong thơ Xuân Quỳnh”, *Kỷ yếu Hội Thảo khoa học*.
- [7] Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản có sửa chữa bổ sung), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] G. Lakoff, M. Johnon (1980), *Metaphors We live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London.

(Ngày nhận bài: 17/12/2018; ngày phản biện: 25/12/2018; ngày nhận đăng: 04/01/2019)